TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 181/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 5, ngày 29 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 203/2020/HNST ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Trần Thu T, sinh năm: 1979.

Thường trú: đường Q, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Phạm Nguyên Tr, sinh năm: 1980.

Thường trú: đường Y, Phường N, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thu T và ông Phạm Nguyên Tr tự nguyện kết hôn có đăng ký theo Giấy chứng nhận kết hôn số 125, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 9 năm 2006. Trong quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, hai bên không thông cảm và chia sẻ được cho nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Do đó, ông bà gửi đơn yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Phạm Nguyên Tr đồng ý giao 02 người con chung là trẻ Phạm Các A (nữ) – sinh ngày 11/10/2006 và trẻ Phạm Phú Tu (nam) – sinh ngày 14/12/2013 cho bà Trần Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng do bà có khả năng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Trần Thu T và ông Phạm Nguyên Tr cùng khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông bà cùng khai không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* do bà Trần Thu T và ông Phạm Nguyên Tr mỗi người chịu số tiền là 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thu T và ông Phạm Nguyên Tr thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Phạm Nguyên Tr đồng ý giao 02 người con chung là trẻ Phạm Các A (nữ) – sinh ngày 11/10/2006 và trẻ Phạm Phú Tu (nam) – sinh ngày 14/12/2013 cho bà Trần Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng do bà có khả năng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Trần Thu T và ông Phạm Nguyên Tr cùng khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét; ông bà cùng khai không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* do bà Trần Thu T và ông Phạm Nguyên Tr mỗi người chịu số tiền là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Được trừ vào số tiền tạm ứng bà T và ông Tr đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0036010 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Tp.HCM. Bà T và ông Tr đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận X;
- UBND Phường M, quận X, TPHCM (Giấy chứng nhận kết hôn số 125, quyển số 01, ngày 15/9/2006);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Chính